
MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
1. PHẦN MỞ ĐẦU	2
1.1. Lí do chọn đề tài	2
1.2. Mục đích nghiên cứu	2
1.3. Đối tượng khảo sát và nghiên cứu	3
1.4. Phương pháp nghiên cứu	3
1.5. Phạm vi và kế hoạch nghiên cứu	3
2. PHẦN NỘI DUNG	4
2.1. Cơ sở lí luận	4
2.2. Thực trạng của vấn đề	4
2.3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề	6
2.4. Kết quả	24
3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	25
3.1. Kết luận	25
3.2. Kiến Nghị	26
4. TÀI LIỆU THAM KHẢO	27

1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lí do chọn đề tài

Như chúng ta đã biết môn Ngữ văn trong nhà trường giữ vai trò quan trọng vì “Văn học là nhân học”, “Văn là đời và đời là văn”. Là một môn học thuộc nhóm khoa học xã hội, mục tiêu của môn Ngữ văn là giáo dục quan điểm tư tưởng, tình cảm cho học sinh, góp phần hình thành những con người có trình độ học vấn phổ thông cơ sở, chuẩn bị hành trang cho các em ra đời hoặc tiếp tục cho các em học lên bậc cao hơn. Đồng thời môn Ngữ văn dạy cho các em cái hay, cái đẹp, cái cao cả, ... Đó là những con người biết rèn luyện để có tính tự lập, có tư duy sáng tạo, bước đầu có năng lực cảm thụ cái đẹp, cảm thụ các giá trị chân, thiện, mỹ trong nghệ thuật; có năng lực thực hành và sử dụng Tiếng Việt như một công cụ để tư duy, giao tiếp. Tất cả những điều đó được thể hiện qua thế giới ngôn từ. Vậy muốn hiểu được ý nghĩa sâu xa của thế giới ngôn từ ấy đòi hỏi các em phải hiểu từ, ngữ và hiểu ý nghĩa những từ ngữ để các em sẽ sử dụng nó một cách linh hoạt, sâu sắc trong cuộc sống. Nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai đã từng viết: “Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng hay, một thứ tiếng đẹp, “Tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam”. Vậy mà ngày nay người Việt lại ngại học Tiếng Việt, và cho rằng mình là người Việt ắt sẽ hiểu tiếng Việt, nói và viết tiếng mẹ đẻ một cách trôi chảy. Nhưng qua quá trình đọc bài văn các em viết thì tôi nhận thấy một điều vốn từ và cách diễn đạt của các em còn rất hạn chế. Sự hạn chế này phải chăng là do các em hay là trong đó có một phần do những người đang trực tiếp đứng trên bục giảng? Chính từ sự trăn trở đó nên tôi mạnh dạn đưa ra đề tài **“Tạo hứng thú học môn Ngữ văn 8 cho học sinh”** nhằm đóng góp một phần nào đó để các em bớt thờ ơ, lạnh nhạt với bộ môn văn, giúp các em có hứng thú hơn trong mỗi tiết học.

1.2. Mục đích nghiên cứu.

Ứng dụng hiệu quả **“Tạo hứng thú học môn Ngữ văn 8 cho học sinh”**, giúp học sinh có được phương pháp học tập hiệu quả, tích cực, phát huy tối đa

tính sáng tạo, đồng thời bồi dưỡng năng lực tư duy của các em. Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Ngữ văn nói chung và Ngữ văn 8 nói riêng, góp phần vào công cuộc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá...mà Đại hội Đảng lần thứ XI đã đề ra trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020.

1.3. Đối tượng nghiên cứu

Bản thân được nhà trường phân công giảng dạy lớp 8 nên tôi chọn học sinh khối lớp này tại trường THCS Nguyễn Tất Thành – Xã Nam Dong – Huyện Cư Jut – Tỉnh Đắk Nông là đối tượng để nghiên cứu đề tài này.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này tôi tiến hành các phương pháp:

- Tham khảo tài liệu liên quan đến đề tài.
- Điều tra học sinh.
- Quan sát thực nghiệm và phân tích quy luật.
- Khảo sát và thống kê.

1.5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Tôi chọn phạm vi nghiên cứu là các bài học trong chương trình Ngữ văn 8. Như thế sẽ rất thuận tiện cho việc nghiên cứu và thực hiện đề tài. Học sinh lứa tuổi THCS, đặc biệt là học sinh lớp 8 là lứa tuổi được cho là ***nổi loạn*** vì các em đang ở giai đoạn trung chuyển từ lứa tuổi thiếu niên sang lứa tuổi thanh niên. Hay nói đúng hơn, đây là giai đoạn lứa tuổi ***tiền thanh niên***, trẻ em đang ***tập làm người lớn*** nên nhiều lúc các em mạnh dạn hồ hởi muốn khẳng định mình. Do đó nhu cầu giao tiếp đối với các em ở lứa tuổi này rất lớn. Các em rất thích tham gia vào các hoạt động giao lưu, các hoạt động tập thể như: văn hóa, văn nghệ..., vì vậy nếu được khuyến khích các em sẽ có hứng thú học tập nên sẽ thuận tiện cho việc thực hiện đề tài.

Giới hạn nghiên cứu được thực hiện từ tháng 09/2019 đến tháng 07/2020 tại trường THCS Nguyễn Tất Thành – Xã Nam Dong – Huyện Cư Jut – Tỉnh Đắk Nông.

2. PHẦN NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận của vấn đề

Môn Ngữ văn khác với các môn học khác trong chương trình học. Đây là môn học không chỉ cung cấp cho các em kiến thức về bộ môn mà thông qua việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, kỹ năng nói... còn giúp các em trau dồi vốn từ để tạo lập nên những văn bản. Thông qua văn học còn giúp các em giao tiếp tốt hơn và hiểu được nhiều hơn giá trị của cái đẹp trong cuộc sống bởi thế mới nói “Văn học là nhân học”.

Nhưng để đạt được những kỹ năng trên, học sinh phải học tập trên lớp ba phân môn Văn bản – Tiếng Việt – Tập làm văn bằng phương pháp tích hợp ngang hoặc dọc. Cụ thể, khi tiếp xúc với phân văn bản các em cảm nhận nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật trong văn bản để tích lũy vốn từ, vận dụng chúng để đặt câu, viết đoạn, hình thành văn bản. Chính vì vậy, chúng ta cần đổi mới phương pháp dạy học nhằm giúp học sinh tiếp thu bài tốt hơn, có hứng thú hơn trong các tiết học.

Mỗi một tiết học, người giáo viên luôn phải cố gắng để truyền tải đến học sinh ngọn lửa đam mê, hướng các em đến với văn học để biết yêu, ghét, buồn, vui; giúp các em hiểu rõ cái hay, cái đẹp mà các câu thơ, câu văn mang đến... từ đó khơi gợi trong tâm hồn của học sinh tình yêu văn chương, yêu cuộc sống.

2.2. Thực trạng của vấn đề

Học sinh hiện nay có xu thế không coi trọng các môn Sử, Địa và môn Ngữ Văn cũng vậy. Từ đây dẫn đến kết quả học tập của các môn học này không cao. Hơn thế nữa nhiều bậc cha mẹ chỉ chăm chăm hướng con mình vào đại học với những nghề nào sau khi ra trường dễ kiếm tiền nhất, lương cao nhất mà không quan tâm đến sở trường, năng lực thực sự của con. Trong lúc đó, rất nhiều học sinh hiện nay học văn theo kiểu môn học là phải học, cố làm sao cho đủ điểm qua, đủ điểm để lên lớp, đủ điểm để vượt qua các kỳ thi mà không có một chút hứng thú. Và nếu không may ở trường phổ thông gặp phải giáo viên “mắt kính tể, thế kỹ thuật” thì khả năng học văn càng tẻ. Trong

trường hợp này đối tượng học văn sẽ học theo kiểu đối phó, hình thức, chiếu lệ. Dẫn đến hậu quả là cảm xúc bị trơ lỳ, tư duy đến cảm xúc đều bị nhuộm màu kim tiền là điều khó tránh khỏi.

Như chúng ta biết, môn văn thường rất trừu tượng nên học sinh cần đọc nhiều sách và tìm hiểu kỹ về tác phẩm. Vì môn Văn là môn học khá nhiều chữ, nội dung có phần trừu tượng. Chính vì vậy chỉ khi tìm hiểu sâu cũng như nghiêm túc trong học tập thì người học mới nắm vững được kiến thức và có hứng thú để tiếp tục học tập. Thế nhưng do lười biếng, thụ động của người học đang thực sự làm cùn mòn, thủ tiêu cảm hứng học văn. Phần đông học sinh ngày nay ngày một xa rời thói quen đọc sách, để cho văn hóa nghe, nhìn lấn át là một thực trạng đáng báo động. Một thực tế nữa là lực học giữa các lớp và các em trong một lớp không đồng đều. Có những lớp học sinh có khả năng lĩnh hội tri thức kém, nhưng bên cạnh đó cũng có những lớp khả năng tiếp thu của các em rất tốt. Khi học các môn này các em học sinh nam thường không chú ý hoặc mất trật tự làm cho giáo viên bị ức chế. Tỷ lệ học sinh chuẩn bị bài cũ, học bài khi đến lớp thường không đầy đủ ảnh hưởng rất lớn đến giờ học. Đặc biệt, địa bàn tập trung chủ yếu là con em nông dân nên gia đình chưa quan tâm đến việc học của con em mình.

Chúng ta phải thừa nhận rằng trong thực tế hiện nay của một số không ít giáo viên là cảm xúc khô cứng, thiếu phương pháp kỹ năng, thậm chí thiếu cả kiến thức thực tế. Phương pháp truyền thụ theo tinh thần đổi mới đòi hỏi giáo viên phải linh hoạt, cần phối hợp các hình thức khác nhau trong bài giảng chứ không chỉ dừng lại ở việc thuyết giảng. Ví dụ như chúng ta có thể cho học sinh nhập vai, đọc diễn cảm, trao đổi, thảo luận, tranh luận... để tự tìm ra những thông điệp mà văn bản muốn gửi gắm. Để từ đây các em tự rút ra bài học chứ không phải giáo viên làm thay, học sinh chỉ ngồi nghe rồi ghi chép lại những gì giáo viên thể hiện. Như thế, người học không thể tự mình chủ động tiếp cận vấn đề được.

Như chúng ta đã biết đồ dùng dạy học, đặc biệt là tranh ảnh trực quan của môn Ngữ Văn ở mỗi trường thường rất ít hoặc không có, nên dù giáo viên

và học sinh muốn tham khảo cũng rất khó khăn; học sinh khó hình dung được đoạn trích tác phẩm. Bên cạnh đó nhiều giáo viên giảng dạy kiểu đọc – chép khiến cho học sinh không hiểu bài sâu, học hời hợt và không hiểu gì. Cho đến khi thi, học sinh lao vào học thuộc lòng, chép văn mẫu nhằm cho qua môn.

2.3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề

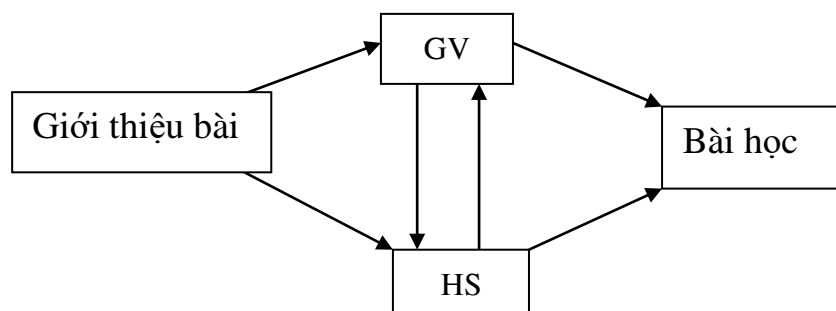
2.3.1. Đa dạng hóa cách giới thiệu bài

Đa dạng hóa hình thức giới thiệu bài trong học tập môn ngữ văn ở trường THCS nhằm tạo nên sự hứng thú, cũng như huy động tính tích cực tự học của học sinh ở mức tối đa, đạt hiệu quả học tập cao nhất là việc làm quan trọng và cần thiết. Vì vậy giáo viên nên áp dụng nhiều hình thức mở bài trong dạy học.

Giới thiệu bài học không phải là một vấn đề mới, song một số thầy, cô giáo dường như còn xem nhẹ và chưa coi đó là một hoạt động thường xuyên, hoặc quan niệm phần này chỉ dành cho phân môn văn bản, còn Tiếng Việt và tập làm văn thường ít chú ý. Theo tôi quan niệm như thế là không đúng vì cách giới thiệu bài có ý nghĩa và tác dụng khá lý thú. Giới thiệu bài hấp dẫn sẽ tạo một “tâm thế” trong giờ học Ngữ văn. Đó là việc xác định những tình huống dạy học, sự tác động tâm lý tạo ra tiền đề nhận thức có tính sư phạm để học sinh hướng sự chú ý tích cực vào mục đích học tập. Môn Ngữ Văn với đặc trưng vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật cho nên việc đa dạng hóa hình thức vào bài là rất có ý nghĩa. Bài học được giới thiệu càng hấp dẫn, mới mẻ và sáng tạo càng có khả năng nhanh chóng xác định tâm thế sư phạm cho học sinh tập trung chú ý vào bài học. Nếu vào bài rời rạc hoặc hình thức qua loa, chiếu lệ dễ dẫn tới tình trạng khi giờ học đã bắt đầu nhưng học sinh vẫn không chú ý hoặc hoàn toàn ở ngoài thế giới của tiết học.

Về phía giáo viên, nếu không giới thiệu bài hoặc giới thiệu bài mới một cách đơn điệu thì khó có được cảm xúc, cảm hứng để đi vào bài dạy. Mở bài tốt sẽ là khúc dạo đầu đầy phần chấn. Những giây phút không nhiều này sẽ tạo ra tình cảm giữa giáo viên và học sinh, tạo nên không gian rộng mở, say sưa ru mình vào kho tàng kiến thức, vào bài học Ngữ văn. Mỗi giáo viên hãy

tự tìm cho mình một cách vào bài làm sao để nó là chất xúc tác, cầu nối tinh thần quan trọng giữa thầy và trò, giữa bài học và người học. Có thể thấy sơ đồ tác động của cách giới thiệu một bài học như sau:



Chú ý:

Cách giới thiệu bài cần được đặt trong môi quan hệ tương tác lẫn nhau: Quan hệ thầy – trò, quan hệ trò – trò, quan hệ trò – thầy... Sau mỗi tiết học, mỗi lớp học, mỗi năm học giáo viên tự đánh giá hiệu quả của hình thức mở bài nhằm rút kinh nghiệm, điều chỉnh cách mở bài. Giáo viên không nên lặp đi lặp lại một kiểu giới thiệu cứng nhắc. Cần phải linh hoạt, đa dạng và sáng tạo.

Khi giới thiệu bài cần phải chú ý một số nhân tố ngữ cảnh liên quan đến nội dung bài học – hướng ngoại: Đối tượng giao tiếp (học sinh); hoàn cảnh giao tiếp (nhà trường). Đây là hai nhân tố ngữ cảnh giúp giáo viên định hướng nội dung và phương pháp dạy học để lựa chọn cách giới thiệu bài sao cho phù hợp nhất.

Giới thiệu bài có nhiệm vụ định hướng nội dung khái quát bài học và đưa ra hướng giải quyết trong phạm vi bài học. Do đó nội dung mở bài cần ngắn gọn, súc tích, nêu được vấn đề. Lời giới thiệu quá dài dòng dễ gây phân tán sự chú ý hoặc học sinh khó xác định trọng tâm và phương hướng nhận thức.

Còn hoạt động vào bài thì người giáo viên cần dựa vào đặc điểm bài học để có thể linh hoạt, sáng tạo thực hiện các kiểu vào bài. Theo tôi giáo viên có thể giới thiệu bài bằng các cách:

Nêu xuất xứ, theo cách này giáo viên có thể dựa vào phần chú thích (*) trong sách giáo khoa. Bên cạnh nghiên cứu kỹ bài học, tài liệu tham khảo

(nhất là tài liệu tham khảo được các tác giả sách giáo khoa giới thiệu), giáo viên cần triệt để khai thác mục “những điều cần lưu ý” trong sách giáo viên.

Có thể bắt đầu bằng một vài nhận định tiêu biểu, các ý kiến tranh luận hoặc bằng những cảm nhận chủ quan, bằng một vài so sánh tương đồng hay đối lập nội dung bài học; dùng thủ pháp đòn bẩy; xem băng đĩa, tranh ảnh, tư liệu, bài hát ...

Ngoài ra, chúng ta cũng cần giới thiệu bài xuất phát từ đặc điểm của phương pháp dạy học tích cực: Sử dụng trực quan nêu vấn đề, gợi dẫn hiện tượng, nhớ lại; chốt lại vấn đề, chuyển tiếp sang bài mới.

Một số ví dụ về cách giới thiệu bài học

Ví dụ 1: Bài văn bản “**Tôi đi học**”, Ngữ văn 8, tập 1: Giáo viên cho cả lớp hát bài: “Ngày đầu tiên đi học”. Khi học sinh hát xong giáo viên sẽ gọi một em trả lời câu hỏi: Lời bài hát nói về điều gì? Tâm trạng của em ngày đầu đi học như thế nào? Từ đó giáo viên dẫn vào bài: Trong cuộc đời của mỗi con người thì những kỷ niệm của thời cắp sách đến trường thường là những kỷ niệm đẹp nhất, đó là những kỷ niệm khó quên thường được lưu giữ bền lâu trong trí nhớ, đặc biệt là buổi đến trường đầu tiên.

“Ngày đầu tiên đi học

Em mắt ướt nhạt nhòa

Em vừa đi vừa khóc

... Mẹ dỗ dành yêu thương” (Viễn Phương).

Những kỷ niệm mơn man, băng khuâng một thời ấy đã được nhà văn Thanh Tịnh thể hiện trong truyện ngắn “**Tôi đi học**”.

Ví dụ 2: Mở bài “**Chiếc lá cuối cùng**”, Ngữ văn 8, tập 1: Theo tiến sĩ Nguyễn Văn Đường thì: Trên đời hiếm gì nghịch lý oái oăm! Có sự thật làm người ta đau đớn, héo mòn rồi chết lụi. Nhưng lại có cái giả an ủi, nâng đỡ tâm hồn như một liều thuốc thập toàn đại bổ có thể cứu chữa tất cả. Truyện ngắn “**Chiếc lá cuối cùng**” của nhà văn O.Hen-ri với hình ảnh chiếc lá thường xuân là một trong những liều thuốc thập toàn đại bổ ấy. Ở đây con người được hồi sinh, đã thoát được ác bệnh bởi nhờ tình yêu thương và một xác tín

mãnh liệt vào một chiếc lá. Chiếc lá đó như thế nào mà lại có sức mạnh đến như vậy? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta lí giải điều bí ẩn đó. (Giáo viên ghi tựa đề lên bảng).

Ví dụ 3: Mở bài “**Câu nghi vấn**” (tiếp theo), Ngữ văn 8, tập 2: Giáo viên cho học sinh đọc đoạn thơ trong bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ

“ Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
.....

Than ôi thời oanh liệt nay còn đâu?”

Em hãy xác định những câu nào trong bài thơ là câu nghi vấn?

Câu nghi vấn trong đoạn thơ này có phải dùng để hỏi không?

(Hướng trả lời: Các câu nghi vấn trong đoạn thơ ấy không phải được dùng để hỏi mà được dùng để phủ định, bộc lộ cảm xúc. Như vậy, tùy theo tình huống, hoàn cảnh giao tiếp mà ta dùng câu nghi vấn cho phù hợp và tiết học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu rõ hơn về các chức năng khác của câu nghi vấn. Giáo viên ghi nhan đề bài học lên bảng).

Ví dụ 4: Mở bài: “**Hành động nói**”, Ngữ văn 8, tập 2: Giáo viên hướng đến một học sinh (Chú ý không đến quá gần):

Thầy mời X đứng dậy. Sau khi học sinh X đứng dậy, giáo viên nói tiếp:

Thầy mời X ngồi xuống. (Trên thực tế học sinh thường cười sau hành động này của giáo viên)

Giáo viên hỏi cả lớp:

Các em thấy thầy dùng cách nói để điều khiển X đứng lên và ngồi xuống hay dùng hành động bằng tay để điều khiển X?

Câu trả lời chắc chắn sẽ là “Thầy dùng cách nói”.

Giáo viên kết luận: Đó chính là thầy đã thực hiện một hành động nói và bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về các kiểu hành động nói đó.

(Lưu ý: Giáo viên nhớ xin lỗi X vì đã dùng X làm ví dụ. Điều này rất cần cho việc giáo dục nhân cách)

Ví dụ 6: Mở bài “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000”, Ngữ văn 8, tập 1



Giáo viên cho học sinh quan sát các bức ảnh trên máy chiếu và nêu câu hỏi: Em có suy nghĩ gì khi xem các hình ảnh này?

Học sinh trả lời theo sự cảm nhận riêng. Sau đó giáo viên khái quát và dẫn vào bài mới: Bảo vệ môi trường sống quanh ta, rộng hơn là bảo vệ Trái đất– ngôi nhà chung của mọi người– đang bị ô nhiễm nặng nề là một nhiệm vụ khoa học, xã hội, văn hoá vô cùng quan trọng đối với nhân loại trên toàn thế giới và đó cũng là nhiệm vụ của mỗi chúng ta. Hạn chế thấp nhất đến mức không sử dụng bao bì ni lông là một việc làm cụ thể và cần thiết hằng ngày. Vì sao vậy: Văn bản “ thông tin về ngày trái đất năm 2000” sẽ giải thích, thuyết minh giúp chúng ta hiểu(Giáo viên ghi đầu bài lên bảng).

Tóm lại, giáo viên lựa chọn biện pháp và hình thức dẫn dắt học sinh vào bài mới sao cho thật nhẹ nhàng, hấp dẫn, hiệu quả, không câu kì hoặc kéo dài thời gian. Mỗi giáo viên tùy theo từng điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng học sinh cụ thể mà lựa chọn và xác định lời dẫn nhập cần thiết, hợp lý nhất. Đa dạng hóa cách giới thiệu bài với thời gian chỉ ít phút chắc chắn sẽ làm cho

giờ dạy Ngữ văn thêm sinh động, rực rỡ sắc màu hơn, các em học sinh sẽ thích học hơn và say mê đi vào khám phá bầu trời môn Ngữ văn.

2.3.1.1. Giải ô chữ

2.3.1.1.1. Lựa chọn nội dung để tổ chức trò chơi

Đây là trò chơi mang tính chất củng cố kiến thức của một bài hoặc một tuần. Dạng trò chơi này có ưu điểm là thực hiện được nguyên tắc tích hợp được cả ba phân môn. Tuy nhiên đòi hỏi giáo viên phải đầu tư, sáng tạo và cần có sự chu đáo từ phía học sinh. Nếu không sẽ mất thời gian mà lại không đạt hiệu quả. Trò chơi giải ô chữ có ba dạng phổ biến :

Dạng 1: Lấy kiến thức Tiếng Việt để củng cố, khắc sâu kiến thức văn bản. Dạng này câu hỏi ô chữ hàng ngang là kiến thức Tiếng Việt, ô chữ hàng dọc là kiến thức văn bản(Thường là tên nhân vật chính trong tác phẩm, tên tác phẩm, hoặc tên một giai đoạn văn học...)

Dạng 2: Lấy kiến thức trong văn bản để củng cố, khắc sâu kiến thức Tiếng Việt. Dạng này câu hỏi ô chữ hàng ngang là kiến thức văn bản, câu hỏi ô chữ hàng dọc là kiến thức Tiếng Việt.

Dạng 3: Lấy kiến thức văn bản để củng cố, khắc sâu phần nội dung, nghệ thuật.

2.3.1.1.2. Đối tượng tham gia trò chơi

Tất cả học sinh đều được tham gia, nếu không được chơi trong tiết này thì tiết khác sẽ được tham gia.

Sẽ có những học sinh yếu, chậm chạp, không tự tin khi làm bài. Với đối tượng này đòi hỏi giáo viên phải lưu ý cho các em tham gia vào những trò chơi để tạo cơ hội cho các em hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Từ đó khích lệ được tinh thần học tập của các em, giúp các em tự tin, mạnh dạn hơn trong học tập.

2.3.1.1.3. Chuẩn bị trò chơi

Học sinh chuẩn bị phần và bảng phụ.

Giáo viên chuẩn bị hệ thống câu hỏi ô chữ hàng ngang, hàng dọc và đáp án, bảng ô chữ và phần, hoặc giáo án điện tử

Lưu ý: Muốn trò chơi đỡ mất thời gian và thành công hơn, trong khi giáo viên hướng dẫn về nhà cần thông báo các bài tập sẽ tổ chức trò chơi trong tiết học sau để cho học sinh chuẩn bị dụng cụ.

2.3.1.1.4. Thời gian và cách thức tổ chức

Thời gian: Tổ chức vào cuối tiết học hoặc tiết ôn tập, ngoại khóa văn học trong lớp, trong khối hoặc sinh hoạt ngoài giờ lên lớp.

Cách thức tổ chức: Tổ chức theo hình thức vấn đáp.

Tiến hành:

Giáo viên đọc lần lượt từng câu hỏi để học sinh xung phong giải ô chữ hàng ngang. Nếu trả lời đúng thì ghi hàng chữ đó lên bảng ô chữ.

Cho trả lời hàng dọc và nêu bổ sung một số kiến thức có liên quan về ô chữ hàng dọc.

Ví dụ 1: Bài “**Từ tượng hình, từ tượng thanh**”, Ngữ văn 8 tập 1

Hệ thống câu hỏi nên soạn theo thứ tự xuất hiện của các từ tượng hình, tượng thanh trong tác phẩm và phải tránh để từ hàng dọc xuất hiện lần lượt, học sinh dễ đoán, trò chơi sẽ không hấp dẫn.

Bảng chữ này là dạng lấy kiến thức Tiếng Việt để củng cố khắc sâu kiến thức phần văn bản.

Ô chữ hàng số 1: (gồm 7 chữ cái): Đó là từ tượng hình gọi tả dáng vẻ của tên người nhà lý trưởng khi cai lệ bảo trời anh Dậu lại?

Ô chữ hàng số 2: (gồm 8 chữ cái): Đó là từ tượng hình gọi tả dáng vẻ của “anh chàng nghiện” trong cuộc đánh nhau với chị Dậu?

Ô chữ hàng số 3: (gồm 4 chữ cái): Đó là từ tượng thanh mô phỏng âm thanh cú đâm của cai lệ vào ngực chị Dậu?

Ô chữ hàng số 4: (gồm 5 chữ cái): Đó là từ tượng hình còn thiếu trong câu văn: “hai người giằng co nhau, ...nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau....”?

Ô chữ hàng số 5: (gồm 6 chữ cái): Đó là từ tượng hình gợi tả dáng vẻ của bà lão lẳng giềng khi ở nhà chị Dậu về?

Ô chữ hàng số 6: (gồm 9 chữ cái): Đó là từ tượng hình gợi tả dáng vẻ của cai lệ khi chị Dậu xô ngã ra cửa?

Ô chữ hàng dọc: Đó là tên của một nhân vật trong tiểu thuyết: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố? Em hãy nêu cảm nhận của mình về nhân vật đó?

N	G	O	N	G	Á	C													
		L	Ê	O	K	H	O	Ê	O										
					B	!	C	H											
						D	U	Đ	Ả	Y									
		L	Ậ	T	Đ	Ậ	T												
C	H	Ỗ	N	G	Q	U	Ề	O											

Ví dụ 2: Bài “**Ôn dịch, thuốc lá**” Ngữ văn 8 tập 1

Câu 1: (có 8 chữ cái): Bên cạnh việc đầu độc, người lớn còn làm...cho trẻ em noi theo.

Câu 2: (có 5 chữ cái): Để chống lại và ngăn ngừa nạn dịch hút thuốc lá chủ yếu dựa vào điều gì?

Câu 3: (có 10 chữ cái): Khi lẫn vào đất bao bì nilon đã làm cản trở quá trình này của các loại thực vật

Câu 4: (có 7 chữ cái): Một trong hai điều mà ôn dịch thuốc lá đe dọa trực tiếp đến con người.

Câu 5: (có 8 chữ cái): Từ 1 điếu thuốc lá dẫn đến nghiện ma túy và sẽ dẫn đến con đường này.

Câu 6: (có 8 chữ cái): Một trong những ảnh hưởng khi chúng ta hít phải khói thuốc.

Câu 7: (có 7 chữ cái): Khi hút thuốc lá, chất gì của thuốc làm các động mạch co thắt?

Câu 8: (có 6 chữ cái): Một trong những chất độc hại sinh ra trong quá trình đốt bao nilon

Câu hỏi từ chìa khóa: (có 10 chữ cái): Một căn bệnh nguy hiểm phổ biến mà nguyên nhân là do hút thuốc lá? UNG THU PHỔI

				G	U	O	N	G	X	Á	U
		Ý	T	H	Ú	C					
S	I	N	H	T	R	U	Ở	N	G		
					S	Ú	C	K	H	O	Ể
				P	H	Ạ	M	P	H	Á	P
N	H	I	Ể	M	Đ	Ộ	C				
			N	I	C	Ô	T	I	N		
					Đ	I	Ô	X	I	N	

Ví dụ 3: Bài “**Ông Đồ**”, Ngữ văn 8 tập 2.

Câu 1: (có 3 chữ cái): Ông Đồ viết chữ bằng loại mực gì?

Câu 2: (có 10 chữ cái): Công việc của ông Đồ trên hè phố?

Câu 3: (có 9 chữ cái): Thái độ của mọi người đối với ông Đồ như thế nào ở khổ và 2?

Câu 4: (có 6 chữ cái): Ông Đồ theo cách giải thích nghĩa của từ thì ông làm nghề gì?

Câu 5: (có 3 chữ cái): Ở khổ 1 tác giả gọi ông Đồ già, ở khổ cuối gọi như thế nào?

Câu 6: (có 4 chữ cái): Thái độ của mọi người với ông Đồ như thế nào ở khổ 3 và 4?

Câu 7: (có 6 chữ cái): Bài thơ thuộc thể thơ nào?

Câu 8: (có 3 chữ cái): Đọc khổ một và khổ cuối, nhận xét kết cấu của bài thơ đầu cuối như thế nào?

Câu 9: (có 8 chữ cái): Ông Đồ xuất hiện ở khổ thơ ba và bốn trong khung cảnh như thế nào?

Câu 10: (có 6 chữ cái): Ngôn ngữ của bài thơ được sử dụng như thế nào?

Câu 11: (có 6 chữ cái): Ông Đồ viết câu đố bằng kiểu chữ gì?

Câu 12: (có 6 chữ cái): Nỗi niềm của tác giả ở khổ cuối là gì?

Sẽ có những học sinh yếu, chậm, không tự tin khi làm bài. Với đối tượng này đòi hỏi giáo viên phải lưu ý cho các em tham gia vào những trò chơi để tạo cơ hội cho các em hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Từ đó khích lệ được tinh thần học tập của các em, giúp các em tự tin, mạnh dạn hơn trong học tập.

2.3.2.3. Chuẩn bị trò chơi

Học sinh chuẩn bị phần và bảng phụ.

Giáo viên lấy các ví dụ và hệ thống bài tập trong sách giáo khoa.

2.3.2.4. Thời gian và cách thức tổ chức

Thời gian: Tổ chức theo đúng trình tự từ lấy ví dụ ở phần bài học và bài tập. Vì sách giáo khoa đã sắp xếp bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ nhận biết đến vận dụng.

Cách thức tổ chức: Tổ chức cho nhóm thi theo kiểu tiếp sức.

Ví dụ 1: Bài “Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ”, Bài tập 2 (SGK trang 11) Hỏi: Tìm những từ ngữ có nghĩa rộng so với nghĩa của các từ ngữ ở mỗi nhóm sau đây?

a/ Xăng, dầu hỏa, (khí) ga, ma dút, củi, than.

b/ Hội họa, âm nhạc, điêu khắc, văn học.

c/ Canh, nem, rau xào, thịt luộc, tôm rang, cá rán.

d/ Liếc, ngắm, nhìn, ngó.

đ/ Đám, đá, thụi, bịch, át.

Giáo viên chuẩn bị bảng phụ kẻ sẵn và che khuất phần đáp án

NHÓM 1		NHÓM 2		ĐÁP ÁN	
A		A		a	Chất đốt
B		B		b	Nghệ thuật
C		C		c	Thức ăn
D		D		d	Nhìn
E		E		e	Đánh

Sau khi 5 học sinh của mỗi nhóm hoàn thành phần tìm từ ngữ nghĩa rộng, giáo viên cho học sinh xem đáp án và chấm điểm hoặc khích lệ bằng tràng pháo tay, hoặc phê, khen vào sổ đầu bài...

Ví dụ 2: Bài “Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội”

Sau khi phân tích ngữ liệu trong sách giáo khoa và hình thành kiến thức về từ ngữ địa phương xong, giáo viên yêu cầu học sinh lấy ví dụ ở địa phương em hoặc địa phương khác có từ toàn dân tương ứng.

Giáo viên chia lớp thành hai đội A và B với hai phần bảng lần lượt từng học sinh của mỗi đội lên lấy ví dụ sau đó về chỗ trao phần cho bạn thứ hai lên đặt câu tiếp theo. Cứ như vậy đến hết thời gian quy định hoặc làm xong yêu cầu bài tập.

Đội nào đạt được số lượng từ nhiều hơn trong khoảng thời gian đã cho, đúng chính tả, từ không trùng lặp và đúng nghĩa, chữ viết đẹp sẽ được thưởng bằng điểm hoặc khích lệ các em bằng tràng pháo tay hoặc phê, khen vào sổ đầu bài...

2.3.3. Sử dụng hình ảnh trực quan trong dạy các văn bản Nhật dụng

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của văn bản nhật dụng nói chung và văn bản nhật dụng ở lớp 8 thì “khái niệm về văn bản nhật dụng không phải là khái niệm thể loại cũng không phải kiểu văn bản mà nó chỉ đề cập đến chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung văn bản mà thôi. Đối với văn bản Nhật dụng cần nhấn mạnh vào hai khía cạnh chính: Cung cấp kiến thức, trau dồi tư tưởng, tình cảm, thái độ cho học sinh. Nghĩa là qua văn bản, cung cấp và mở rộng hiểu biết cho học sinh về những vấn đề gần gũi, bức thiết đang diễn ra trong đời sống xã hội hiện đại, từ đó tăng cường ý thức công dân đối với cộng đồng.

GV không chỉ xác định đúng mục tiêu kiến thức của văn bản mà còn phải trang bị thêm cho mình những kiến thức mở rộng, hỗ trợ cho bài giảng như thu thập các tư liệu có liên quan đến bài giảng trong thực tế cuộc sống

hay trên các phương tiện thông tin đại chúng(truyền hình, phát thanh, báo chí, mạng Internet...).

Nếu chỉ dùng các phương tiện dạy học truyền thống như: SGK, phấn trắng, bảng đen thì chưa thể đáp ứng được hết yêu cầu dạy học văn bản nhật dụng. GV có thể chuẩn bị thêm các tư liệu khác như: tranh ảnh, phim ảnh và nếu được thu thập, thiết kế và trình chiếu trên các phương tiện dạy học điện tử sẽ khiến các em hào hứng hơn trong giờ học.

Cũng như câu nói quen thuộc “Trăm nghe không bằng một thấy”, việc đưa hình ảnh trực quan có tác dụng rất lớn trong việc tiếp nhận văn bản Nhật dụng. Trực quan sinh động khiến cho các em cảm thấy việc tái hiện những vấn đề bức thiết đang diễn ra trong đời sống xã hội hiện đại không còn khó khăn như trước và do đó hiệu quả bài học cũng được nâng cao.

Các văn bản nhật dụng trong SGK Ngữ văn 8

Bài “*Thông tin về ngày trái đất năm 2000*” là văn bản thuyết minh trình bày về tác hại của bao bì ni lông đối với môi trường và sức khoẻ con người. Đã đến lúc chúng ta phải nhìn nhận lại thói quen dùng bao bì ni lông để có hành động thiết thực bảo vệ môi trường sống của chúng ta bằng cách hưởng ứng lời kêu gọi: “Một ngày không dùng bao bì ni lông”. Thông điệp này chính là nội dung nhật dụng của văn bản “*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*”.





CÂU CHUYỆN Ở MỘT GIA ĐÌNH



Buổi sáng



Buổi trưa



Buổi chiều

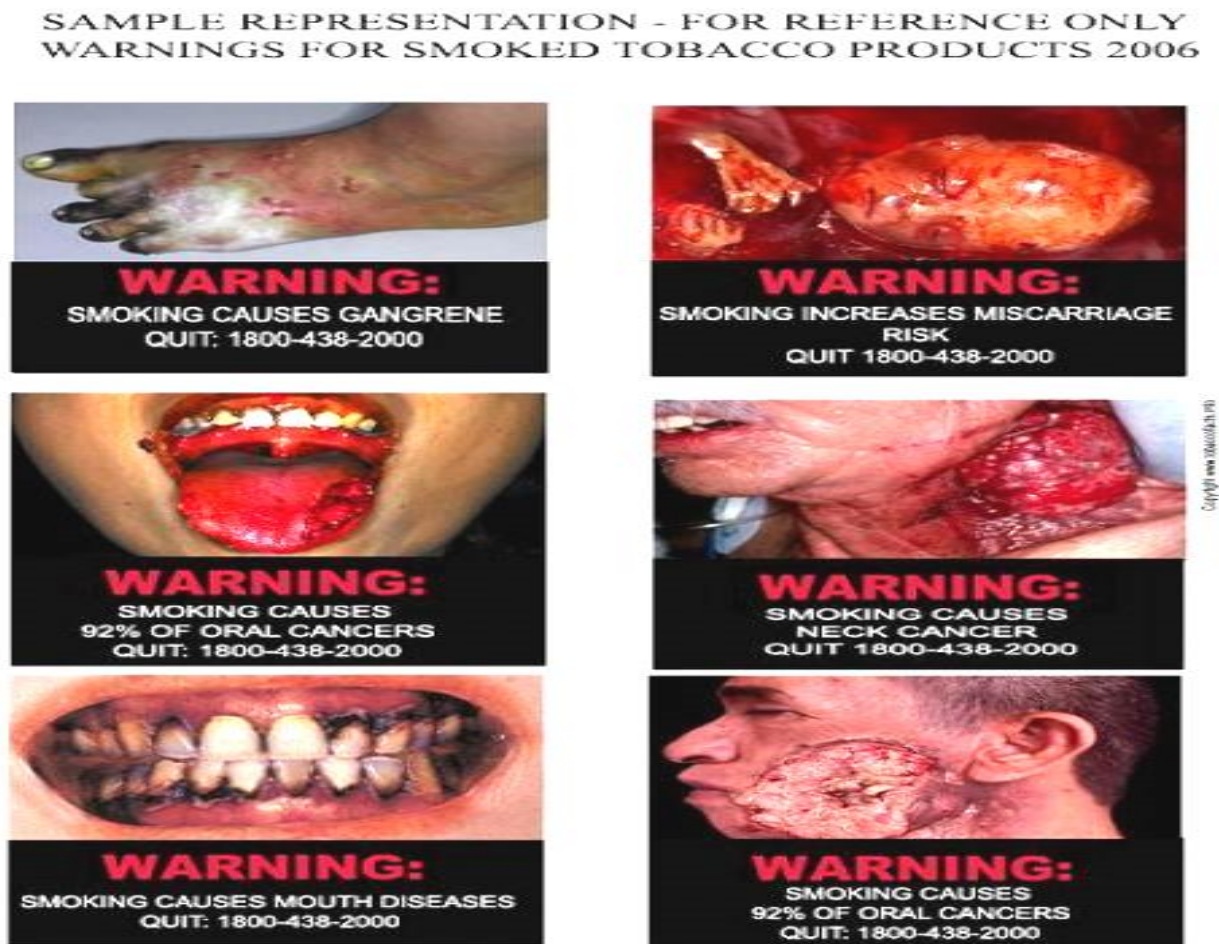


Buổi tối

Những hình ảnh mà các em vừa xem đã phản ánh việc sử dụng bao bì ni lông rất phổ biến hiện nay của chúng ta. Và chính việc sử dụng bừa bãi loại vật dụng này đã gây ra những hậu quả nặng nề đến môi trường sống và cả sức khỏe con người. Vậy nên mỗi chúng ta nên biết mình cần làm gì?

Bài “Ôn dịch, thuốc lá” là một bài thuyết minh cung cấp cho bạn đọc những tri thức khách quan về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe và có thể làm suy thoái đạo đức con người. Tác giả đã sử dụng thủ pháp thuyết minh quen thuộc như: liệt kê, so sánh, lời văn vẫn sử dụng các thuật ngữ khoa học nhưng dễ hiểu do được giải thích cụ thể, kết hợp trong đó là lời bình luận mang sắc thái biểu cảm rõ rệt. Tất cả được viết bằng tri thức và tâm huyết của một nhà y học nổi tiếng, và điều đó làm nên sức thuyết phục của văn bản này.

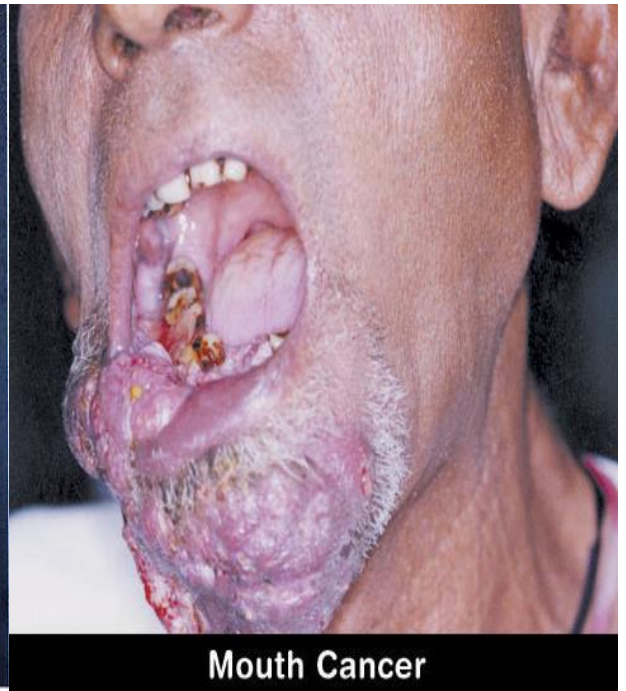
Cảm nghĩ của em sau khi xem các bức ảnh này?



Hình1. Hậu quả do hút thuốc lá



Hình 2: Thai chết lưu do mẹ hút, hít phải khói thuốc lá



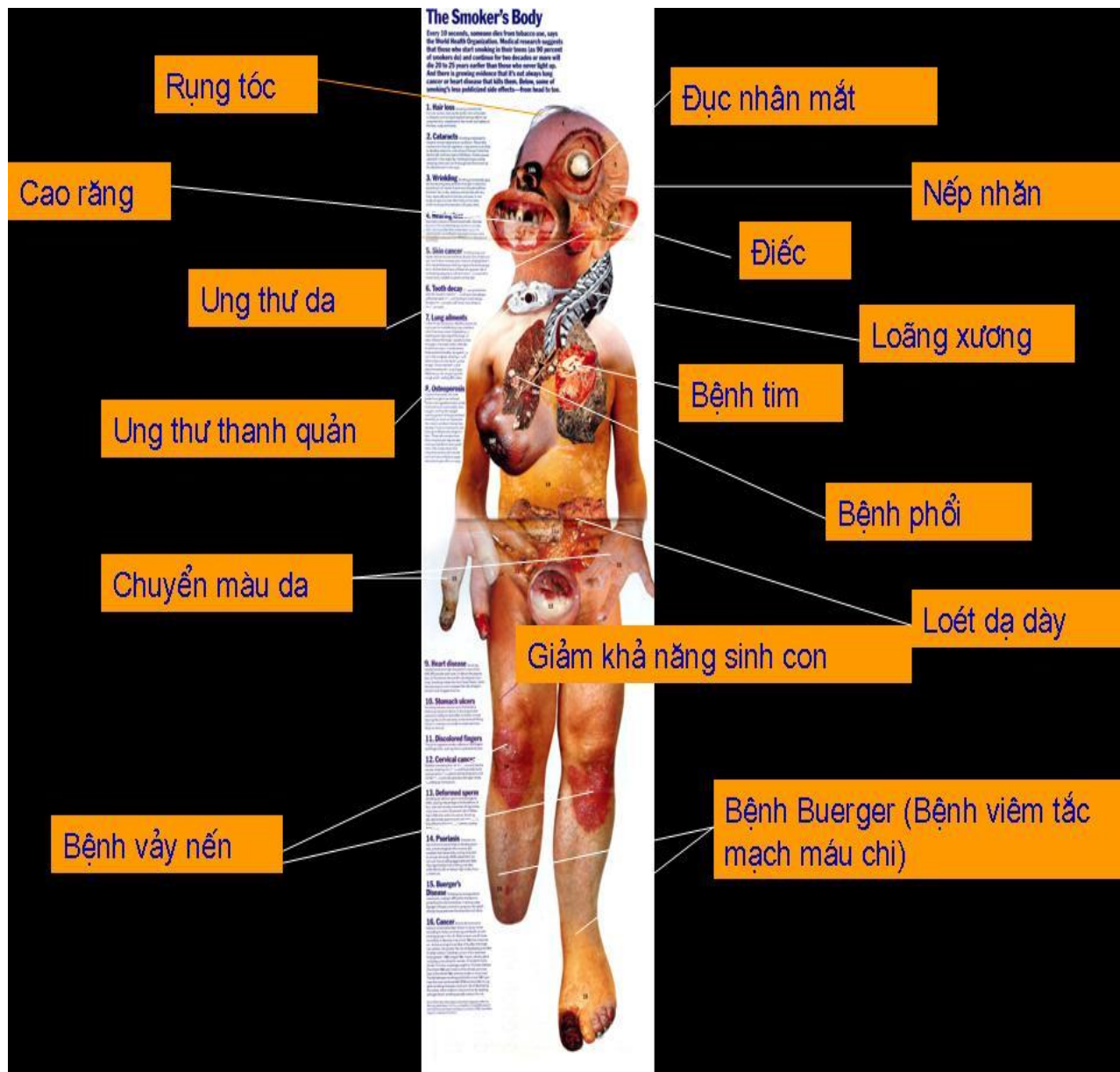
Hình 3: Ung thư miệng



Hình 4: Chất Ni – cô – tin bám đầy trong phổi người hút thuốc



Hình 5: Ung thư vòm họng



Hình 6: Tổng quan các bệnh do khói thuốc lá

Ý nghĩa nhật dụng của văn bản này không chỉ là cảnh báo cho mỗi người về một nạn dịch có sức tàn phá sức khỏe cộng đồng, gây thành tệ nạn xã hội mà còn góp phần cổ động cho chiến dịch truyền thông chống hút thuốc lá đang diễn ra rộng khắp hiện nay. Nếu lời cảnh báo học sinh chỉ được nghe không thôi thì sự tác động đến nhận thức chưa cao nên khi trình chiếu các hình ảnh này chắc chắn các em sẽ thấy được tác hại của khói thuốc lá. Từ đó việc tuyên truyền sẽ thuận lợi hơn.

Bài “Bài toán dân số”. Mục đích của sự tính toán này là báo động về nguy cơ bùng nổ và gia tăng dân số của thế giới. Vì thế “Bài toán dân số”

được xem là một văn bản nhật dụng phục vụ cho chủ đề “ dân số và tương lai của nhân loại”. Bài toán này càng có ý nghĩa thời sự đối với các nước chậm phát triển, trong đó có Việt Nam. Khi dạy bài này tôi đưa ra các hình ảnh sau và yêu cầu học sinh nói về mối quan hệ giữa bùng nổ dân số - đói nghèo lạc hậu.





Quan sát các hình ảnh trên, em có nhận xét gì về sự bùng nổ dân số và hậu quả của nó?

2.4. Kết Quả Đạt Được

Vào đầu năm học chúng tôi đã tiến hành khảo nghiệm theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan về chất lượng của hình thức tổ chức trò chơi trên. Kết quả đạt được như sau:

Trước khi áp dụng			Sau khi áp dụng		
Lớp	Không thích học Ngữ văn	Thích học Ngữ văn	Lớp	Không thích Ngữ văn	Thích học Ngữ văn
8A3	65%	35%	8A3	40%	60%
8A4	60%	40%	8A4	25%	75%
8A5	62%	38%	8A5	26%	74%

Từ kết quả trên, tôi thấy rằng **“Tạo hứng thú học môn Ngữ văn 8 cho học sinh”** là một trong những cách để nâng cao hiệu quả dạy – học. Là một trong những biện pháp tích cực để giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp và đảm bảo nguyên tắc tích hợp trong dạy học hiện nay và phù hợp với nhiệm vụ năm học đó là: “Trường học thân thiện học sinh tích cực”.

Từ những kết quả điều tra rất khả thi trên và chúng tôi đã tiến hành áp dụng vào trong các tiết học cho học sinh khối lớp 8 trường THCS Nguyễn Tất Thành. Các em hăng hái tham gia và chuẩn bị đồ dùng rất chu đáo, kết quả của các trò chơi mang lại cho các em sự hứng thú và tiếp thu bài một cách nhanh chóng.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Có thể thấy ưu điểm lớn nhất mà tôi thấy của đề tài này là nó tạo tâm thế tốt cho học sinh trong giờ học. Qua thực tế áp dụng, tôi thấy các em phần lớn đều rất thích thú và hào hứng. Nhất là khi những hình ảnh, ô chữ này được sử dụng trong các giáo án điện tử với chương trình trình chiếu Power Point. Hiệu quả của giờ học tăng lên rõ rệt, sự chú ý của học sinh vào bài giảng cũng được nâng cao. Không những thế, ứng dụng đề tài này còn giúp học sinh rèn luyện được tư duy nhanh nhạy, tác phong mạnh dạn trong các hoạt động và trong giao tiếp. Giáo viên tổ chức thường xuyên sẽ tạo cho học sinh hứng thú chờ đợi và chuẩn bị tốt tiết học. Như vậy sẽ kích thích sự chuẩn bị bài ở nhà và tinh thần tâm thế chủ động bước vào tiết học, chính vì vậy kết quả học tập sẽ cao hơn. Cùng với đó là tạo thái độ hợp tác trong nhóm, bồi

duỡng tinh thần đoàn kết hợp sức trong học tập và lao động. Mặt khác, hiện nay công nghệ thông tin đã khá phát triển và phổ biến vì vậy giáo viên có thể khai thác các hình ảnh trên mạng Internet. Đây là một nguồn khai thác thông tin rất hiệu quả và sẽ giúp ích nhiều cho giáo viên trong việc hướng dẫn học sinh tiếp nhận các tác phẩm văn học.

3.2. Kiến nghị

Các hình thức này có một hạn chế là giáo viên phải đầu tư nhiều thời gian vào việc sưu tầm ô chữ, hình ảnh và sắp xếp nó khoa học, phù hợp với nội dung từng phần, từng bài tập, bài giảng. Tuy vậy, một số hình thức này vẫn phát huy hiệu quả tốt, nhất là đối với cấp THCS, khi mà học sinh không coi trọng việc học văn. Thiết nghĩ, giáo viên chúng ta nên đầu tư nhiều hơn vào cách đang học này để tiến tới hình thành được một cơ sở lý luận đầy đủ hơn. Và bên cạnh đó cũng mong nhận được sự hỗ trợ của các bộ phận liên quan như thiết bị, thư viện để giáo viên có thể dễ dàng ứng dụng vào tiết học.

Trên đây là toàn bộ đề tài về “**Tạo hứng thú học môn Ngữ văn 8 cho học sinh**”, những kinh nghiệm của người viết được đúc rút từ thực tế đứng lớp mà tôi đã trải qua và thực hiện áp dụng trong quá trình dạy và học. Tôi rất mong được sự góp ý tận tình của các bạn bè đồng nghiệp để đề tài đạt hiệu quả, góp phần ngày một nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời tạo mối quan hệ gần gũi với học sinh trong quá trình học tập để thực hiện nhiệm vụ của ngành là tạo môi trường học tập thân thiện.

Xác nhận của đơn vị
(*Chữ ký, họ tên, đóng dấu*)

Cư Jút, ngày 03 tháng 03 năm 2021
Tác giả

Chu Thị Huệ

4. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1, 2.
 2. Sách giáo viên Ngữ văn 8, tập 1, 2.
 3. Học tốt Ngữ văn 8, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
 4. Bồi dưỡng Ngữ văn 8, Nhà xuất bản Giáo dục.
 5. Hướng dẫn học và làm bài – làm văn Ngữ văn 8, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
 6. Sưu tầm các tài liệu, hình ảnh từ mạng Internet
-